

CÔNG TY CỔ PHẦN GMT YÊN BÁI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GMT YÊN BÁI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GMT YEN BAI JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GMT YEN BAI .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110814562

3. Ngày thành lập: 15/08/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Cầu Ó, đội 1, thôn Đông Thượng, Xã Đông Yên, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0974911693

Fax:

Email: gmtyenbai21@gmail.com

Website: gmtwater.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104(Chính)
2.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
3.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
4.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
5.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
6.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
7.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
8.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
9.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
10.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
11.	Sản xuất giày, dép	1520
12.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
13.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
14.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
15.	Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở)	3700
16.	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3811
17.	Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3812
18.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3821
19.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3822

20.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (không hoạt động tại trụ sở)	3900
21.	Xây dựng nhà để ở	4101
22.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
23.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
24.	Xây dựng công trình điện	4221
25.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
26.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
27.	Xây dựng công trình thủy	4291
28.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
29.	Phá dỡ (loại trừ không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
30.	Chuẩn bị mặt bằng (loại trừ không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
31.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
32.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
33.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
34.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
35.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
36.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
37.	Bán buôn thực phẩm	4632
38.	Bán buôn đồ uống	4633
39.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
40.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
41.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
42.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
43.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
44.	Bán buôn tổng hợp	4690
45.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
46.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
47.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
49.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
50.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

51.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
52.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
54.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
55.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
56.	Đại lý du lịch	7911
57.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
58.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
59.	Đào tạo sơ cấp	8531
60.	Đào tạo trung cấp	8532
61.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560

6. **Vốn điều lệ:** 1.200.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GMT	Xóm Ó, thôn Đông Thượng, Xã Đông Yên, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	0108589077	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	36.000	360.000.000	30,000		
			Cổ phần phổ thông	36.000	360.000.000	30,000		

2	CÔNG TY CỔ PHẦN GMT NƯỚC VẠN XUÂN	330 Trường Chinh, Phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	36.000	360.000.000	30,000	0316628619
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	36.000	360.000.000	30,000	
3	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Tổ dân phố số 8, Thị trấn Cổ Phúc, Huyện Trấn Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	36.000	360.000.000	30,000	015300007433
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	36.000	360.000.000	30,000	
4	SỸ ANH TUYỀN	Đội 1, thôn Đông Thượng, Xã Đông Yên, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	12.000	120.000.000	10,000	001076009095
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	12.000	120.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

